

## TÌNH HÌNH BĐKH TỈNH SƠN LA VÀ YÊU CẦU LỒNG GHÉP BĐKH TRONG CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN

*Lê Thị Thu Hằng - Sở Tài nguyên và Môi trường Sơn La*

### Phần 1: Tình hình BĐKH tại Sơn La

#### Báo cáo của Đài KTTV khu vực Tây Bắc (năm 2014) cho thấy:

Tình hình khí tượng, thủy văn; các hiện tượng thời tiết, thiên tai diễn ra ngày càng phức tạp, tăng về cường độ xuất hiện; khó dự báo, nguy cơ hiểm họa tới đời sống nhân dân và các hoạt động sản xuất ngày càng lớn.

Một trong những nguyên nhân tác động trực tiếp đến diễn biến trên là ảnh hưởng của: **BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**.

#### 1. Thời tiết:

- Toàn tỉnh có 23 đợt không khí lạnh, nền nhiệt phổ biến ở mức cao hơn TBNN.
- Nắng nóng xuất hiện ở nhiều nơi; số ngày nắng ở vùng thấp đạt từ 23-53 ngày (**nhều hơn trung bình nhiều năm từ 7-21 ngày**)
- Xảy ra 04 đợt rét đậm, rét hại trên diện rộng;
- Số đợt mưa vừa đến mưa to nhiều **nhưng cường độ mưa không lớn** (tổng lượng mưa năm đạt 1044 mm)

### Phần 1: Tình hình BĐKH tại Sơn La

#### 2. Về thủy văn

- Lưu vực sông Đà: do ảnh hưởng của việc điều tiết của hồ Hòa Bình, Sơn La nên khó đánh giá cụ thể. Riêng lưu vực Sông Mã: **thấp hơn TBNN**.
- Toàn tỉnh xuất hiện 30 trận lũ: 02 trận lũ lớn, 16 trận lũ vừa, 12 trận lũ nhỏ.

#### 3. Không khí lạnh

Có 23 đợt KKL ảnh hưởng trực tiếp đến địa bàn tỉnh (trong đó có: 9 đợt mạnh, **11 đợt trung bình**, 3 đợt yếu);

#### 4. Diễn biến nhiệt độ:

- Nhiệt độ trung bình năm đạt ở mức cao, cao hơn TBNN từ 0,6 đến 1,3°C (tại Sông Mã nhiệt độ trung bình đạt mức **cao nhất trong lịch sử trong chuỗi số liệu từ năm 1961 đến nay** – 23,7°C)
- Nhiệt độ cao nhất tuyệt đối tại các nơi trong tỉnh cao hơn từ 1,3 – 2,4°C.

### Phần 2: Thiệt hại do các hiện tượng thời tiết, thủy văn gây ra

- Đầu năm 2014; rét hại kèm theo sương muối gây thiệt hại lớn cho cây cà phê và gia súc (Làm chết: 2.131 con gia súc; 12.919 con gia cầm; thiệt hại 3.192 ha cây cà phê).
- Trong năm, có 30 trận lũ trên các sông, suối lớn và 19 trận lũ cục bộ, lũ quét các lưu vực nhỏ; 13 vụ sạt lở; 12 vụ úng, lụt; 11 vụ gió lốc; 06 vụ sét đánh,... Gây thiệt hại lớn về người, nhà ở, tài sản, công trình cơ sở hạ tầng và sản xuất (làm chết 07 người, mất tích 01 người, bị thương 13 người; sập đổ, cuốn trôi 57 nhà; hư hỏng, tốc mái 1.617 nhà; di dời khẩn cấp 207 nhà; ngập 143 nhà; sạt lở 09 nhà; sạt lở, vùi lấp, cuốn trôi, ngập lụt 1.420 ha lúa, 44 ha ma, 2.593 ha ngô; 220 ha hoa mầu, 12 ha cây công nghiệp, 177 con gia súc, 696 con gia cầm, 112 ha và 12,5 tấn thủy sản...).

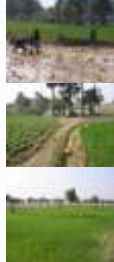
**Tổng thiệt hại do thiên tai năm 2014 ước tính: 170,5 tỷ đồng.**

**(Đáng lưu ý là các vấn đề về giá trị nhiệt độ đạt kỷ lục, nắng nóng xuất hiện nhiều hơn TBNN, mưa nhiều song cường độ không lớn)**

### Phần 3: Thích ứng và giảm thiểu tác động của BĐKH



Thích ứng là sự điều chỉnh trong các hệ thống tự nhiên hoặc con người nhằm ứng phó với những biến đổi thực tế hoặc dự kiến của khí hậu hoặc các ảnh hưởng của chúng, để giảm bớt tác hại hoặc khai thác những cơ hội mang lại lợi ích;



### Phần 3: Thích ứng và giảm thiểu tác động của BĐKH

- Các dạng thích ứng với biến đổi khí hậu
  - Thích ứng dự phòng
  - Thích ứng tự điều chỉnh
  - Thích ứng có kế hoạch



### Phần 3: Thích ứng và giảm thiểu tác động của BĐKH

- **Thích ứng dự phòng**

- thực hiện các bước điều chỉnh trước khi có thể xảy ra các tác động của BĐKH,
- chủ động chuẩn bị đối với những thay đổi
- giảm tác động và gánh nặng chi phí trong tương lai.



### Phần 3: Thích ứng và giảm thiểu tác động của BĐKH

- **Thích ứng tự điều chỉnh**

Bắt đầu bởi những thay đổi sinh thái trong các hệ thống tự nhiên và bằng sự thay đổi thị trường hoặc phúc lợi

- Dạng thích ứng này cũng có thể được gọi là thích ứng tự phát.
- Là loại thích ứng phổ biến nhất được thực hiện độc lập bởi các cộng đồng địa phương



### Phần 3: Thích ứng và giảm thiểu tác động của BĐKH



- **Thích ứng có kế hoạch**
  - Bao gồm các hoạt động nhờ đó các tổ chức hướng tới định dạng thích ứng tương lai và giảm thiểu tình trạng dễ bị tổn thương trong tương lai.
  - Đánh giá sự phân bố của các tác động khí hậu, khả năng của các cá nhân để ứng phó với BĐKH.
  - Xây dựng các phương án thích ứng và các cách thức để những người tiên phong cung cấp và truy cập vào nguồn lực bên ngoài thúc đẩy việc thích ứng.

### Phần 4: Lồng ghép BĐKH trong chính sách địa phương

Hoạch định cơ chế, chính sách thích ứng với BĐKH, nhằm giảm nhẹ các thiệt hại tiềm tàng, nhằm lợi dụng cơ hội, hoặc nhằm đối phó với những hậu quả.

#### Năng lực thể chế (cấp TW)

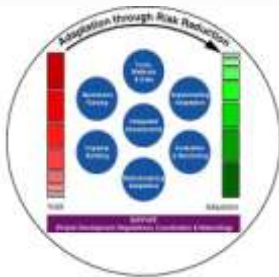
- Huy động nguồn lực, nhân lực vào chính sách
- Tăng cường xác định tình trạng dễ bị tổn thương
- Thực hiện các chiến lược thích ứng



#### Năng lực địa phương (cấp tỉnh, huyện, xã, ...)

- Tăng cường năng lực của các cá nhân hoặc nhóm để có những lựa chọn thích ứng
- Biến những lựa chọn này thành hành động và kết quả mong muốn để ứng phó, đối phó với và thích ứng với thay đổi trong tương lai

### Phần 4: Lồng ghép BĐKH trong chính sách địa phương



#### Thuận lợi và khó khăn chính:

- Lồng ghép
- Phối hợp liên ngành
- Sự tham gia của các bên
- Công nghệ
- Năng lực khoa học – kỹ thuật
- Kết hợp thích ứng với BĐKH và giảm nhẹ rủi ro thiên tai

### Phần 4: Lồng ghép BĐKH trong chính sách địa phương

#### Thuận lợi:

- Đã có văn bản xây dựng KH UP BĐKH;
- Có cơ quan chuyên môn trực tiếp tham mưu QLNN;
- Nhận thức, ý thức của các cấp, các ngành và nhân dân về BĐKH từng bước được nâng cao;
- Năng lực tài chính, kỹ thuật (KH-CN) được cải thiện góp phần giảm thiểu tác động BĐKH.
- Từng bước chuyển năng lực thích ứng từ bị động sang chủ động.
- Được sự quan tâm của TW, các tổ chức phi CP...

#### Phần 4: Lồng ghép BDKH trong chính sách địa phương

- **Khó khăn:**
  - Kiến thức, nhận thức, ý thức về tác động của BDKH của các cấp, các ngành và nhân dân có mặt còn hạn chế.
  - BDKH diễn ra trên phạm vi rộng, tác động trong chu kỳ dài; khó trong nhận biết, dễ nhầm lẫn giữa UPBDKH và GNTT.
  - Nhân lực, vật lực, tài chính chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn.
  - Thói quen, tập quán canh tác, sản xuất; sinh sống của nhân dân địa phương khó có thể thay đổi trong thời gian ngắn.
  - Bộ máy thực hiện nhiệm vụ xây dựng KH HD UP BDKH và triển khai thực hiện còn thiếu đồng bộ, chưa đầy đủ từ cấp tỉnh đến cấp huyện, xã.
  - Các cấp, các ngành chưa chủ động xem xét, tích hợp vấn đề BDKH trong chính sách của ngành/lĩnh vực.

#### Phần 5: Thích ứng BDKH và Giảm nhẹ RRTT

##### • Sự khác biệt:

- TUBDKH tập trung vào các chương trình dài hạn được thực hiện trong nhiều năm trong khi GNRRTT tập trung nhiều hơn vào các ứng phó ngắn hạn.
- TUBDKH tập trung nhiều hơn vào những thay đổi trong điều kiện trung bình trong khi GNRRTT tập trung vào các sự kiện cực đoan.
- TUBDKH tập trung nhiều hơn vào các hành động mà có thể dẫn đến nhiều kết quả tích cực, trong khi GNRRTT tập trung vào các hoạt động ứng phó cụ thể trong các chương trình ngắn đến trung hạn, nhưng thường tập trung vào thiên tai hơn là xây dựng năng lực và khả năng phục hồi.

#### Phần 5: Thích ứng BDKH và Giảm nhẹ RRTT

- **Sự tương đồng:**
  - Cả hai đều có mục tiêu xây dựng khả năng phục hồi khi đối mặt với nguy cơ và rủi ro.
  - Đối với cả hai lĩnh vực, tình trạng dễ bị tổn thương đều bị ảnh hưởng nhiều bởi nghèo đói và những nguyên nhân cơ bản của tình trạng dễ bị tổn thương của cộng đồng.
  - Cả hai đều phải được tích hợp vào các kế hoạch và chính sách cứu trợ, phục hồi và phát triển, và do đó đòi hỏi sự tham gia của nhiều bên liên quan.
  - Cả GNRRTT và TUBDKH đều yêu cầu phải có cơ sở đánh giá và quản lý rủi ro để khắc phục, bảo vệ và xây dựng năng lực có hiệu quả.

#### Cần tích hợp thích ứng với BDKH và giảm nhẹ RRTT vào quá trình phát triển

- **Quá trình tích hợp TUBDKH và GNRRTT**
  - Tích hợp tại cấp địa phương trong đánh giá rủi ro.
  - Tăng cường thể chế.
  - Sự tham gia của các tổ chức phi chính phủ và cộng đồng.
  - Phối hợp và kế hoạch phát triển.
  - Kinh phí và Đầu tư.
  - Tăng cường khả năng thích ứng ở địa phương.
  - Phát triển và sử dụng các công cụ giảm nhẹ rủi ro thích hợp.



**Trân trọng cảm ơn!**